

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 10 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Ngọc T, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Lữ Chí Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2019 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bà Dương Ngọc T trình bày:

Vào năm 2010, bà (Dương Ngọc T) và ông Lữ Chí Đ chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C vào ngày

29/11/2010. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc, sau một quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do ông Lữ Chí Đ không chung thủy. Bà và ông Lữ Chí Đ không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lữ Chí Đ. Về con chung có 01 người tên là Lữ Gia K (giới tính nam), sinh ngày 21/12/2014 hiện đang do bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông Lữ Chí Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, bà yêu cầu được tự thỏa thuận với ông Lữ Chí Đ; về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Lữ Chí Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai, chứng cứ.

Đại diện Chính quyền địa phương ấp Ba Tiêm, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xác định: Từ trước đến nay bà Dương Ngọc T và ông Lữ Chí Đ không có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã hòa giải mâu thuẫn gia đình do đó không rõ nguyên nhân nào dẫn đến việc bà Dương Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Lữ Chí Đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 107, 110 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Dương Ngọc T ly hôn với ông Lữ Chí Đ. Về con chung giao cho bà Dương Ngọc T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông Lữ Chí Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Buộc bà Dương Ngọc T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, buộc ông Lữ Chí Đ phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Dương Ngọc T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Lữ Chí Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lữ Chí Đ vắng mặt tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối ông Lữ Chí Đ.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Dương Ngọc T và ông Lữ Chí Đ chung sống với nhau vào năm 20107, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C chứng nhận kết hôn vào ngày 29/11/2010. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân giữa bà Dương Ngọc T và ông Trần Văn được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn, bà Dương Ngọc T xác định trong quá trình chung sống với nhau thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc,

sau một quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do ông Lữ Chí Đ không chung thủy. Bà Dương Ngọc T và ông Lữ Chí Đ không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay. Bà Dương Ngọc T nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Lữ Chí Đ. Ông Lữ Chí Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét. Do hôn nhân của các đương sự đã và đang trong tình trạng trầm trọng vì vậy, bà Dương Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Lữ Chí Đ là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà Dương Ngọc T xác định giữa bà và ông Lữ Chí Đ có 01 người con chung tên là Lữ Gia K (giới tính nam), sinh ngày 21/12/2014 hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi, yêu cầu ông Lữ Chí Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, con chung hiện nay chưa thành niên, rất cần sự chăm sóc của cha mẹ. Hiện tại, bà Dương Ngọc T là người đang trực tiếp nuôi dưỡng do đó cần thiết tiếp tục giao con chung cho bà Dương Ngọc T nuôi. Đồng thời người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, theo yêu cầu của bà Dương Ngọc T là có cơ sở để chấp nhận, buộc ông Lữ Chí Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền là 745.000 đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, ông Lữ Chí Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi Lữ Gia K đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/10/2019). Ông Lữ Chí Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung bà Dương Ngọc T yêu cầu được tự thỏa thuận với ông Lữ Chí Đ, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà Dương Ngọc T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Dương Ngọc T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, ông Lữ Chí Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dương Ngọc T ly hôn với ông Lữ Chí Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Dương Ngọc T chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Lữ Gia K (giới tính nam), sinh ngày 21/12/2014 cho đến khi Lữ Gia K thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Lữ Chí Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng. Cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng cho đến khi Lữ Gia K đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/10/2019).

Ông Lữ Chí Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Dương Ngọc T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019290, ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lữ Chí Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bà Dương Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lữ Chí Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã P, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước